

HOẠT ĐỘNG NHÓM TRONG DẠY HỌC TĂNG CƯỜNG KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ KÍ HIỆU CHO HỌC SINH ĐIẾC

TRƯƠNG THỊ TUYẾT*

Ngày nhận bài: 18/08/2016; ngày sửa chữa: 19/08/2016; ngày duyệt đăng: 23/08/2016.

Abstract: In a recent decade, using sign language in deaf education has changed significantly, contributing to improvement of special education in Vietnam. This article mentions grouping activities - an effective method in teaching skills to promote sign language use for deaf students.

Keywords: Sign language, group activities, deaf students, skills, enhancement.

Ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) là phương tiện giao tiếp chính trong giáo dục học sinh (HS) điếc, vì vậy, đòi hỏi các em phải sử dụng được NNNH thành thục. Tuy nhiên, dù đây là “ngôn ngữ mẹ đẻ” của HS điếc, nhưng không phải bất cứ HS điếc nào cũng có được kĩ năng sử dụng NNNH (theo đúng nguyên tắc ngữ pháp của loại ngôn ngữ này) một cách thành thục nếu như HS không được “tắm” trong môi trường ngôn ngữ này. Bài viết đóng góp một phần cơ sở lí luận về tăng cường kĩ năng sử dụng NNNH cho HS điếc trong dạy học bằng hoạt động nhóm (HĐN).

1. Ngôn ngữ kí hiệu (Sign language)

Bài viết sử dụng khái niệm NNNH của tiên sĩ ngôn ngữ học Jame Clyde Woodward (người Mỹ), một trong những người đi tiên phong và là người đầu tiên lấy bằng tiến sĩ về NNNH: “*NNKH là hệ thống những quy ước về hình dạng, hướng chuyển động, vị trí, chiều hướng lòng bàn tay của tay và những biểu hiện không bằng tay của cơ thể người để giao tiếp*” [1; tr 41].

NNKH đã tồn tại trong cộng đồng người điếc ở các khu vực khác nhau trên thế giới, trước khi các trường học dành cho người điếc được thành lập. Mỗi NNNH có một quy luật ngữ pháp khác nhau, luôn được phát triển trong cộng đồng và văn hoá của những người điếc. Cấu trúc ngữ pháp và lịch sử của NNNH độc lập với ngôn ngữ nói trong cùng một đất nước. NNNH hoàn toàn là một ngôn ngữ, có vị thế như bất cứ ngôn ngữ nói nào khác, bởi nó có tất cả những đặc tính như ngôn ngữ nói, gồm: âm vị học, hình vị học, cú pháp và ngữ nghĩa. Cấu trúc ngữ pháp của NNNH là cái có thể nhìn thấy và làm bằng tay thay vì nghe và nói, tuy nhiên, vẫn có thể mô tả bằng những lí thuyết của âm vị học đang được dùng hiện nay. NNNH hoàn toàn có vai trò như một phương tiện giao tiếp, hơn thế nữa cũng là phương tiện để phát triển nhận thức, tình cảm xã hội và những mặt khác của người điếc giống như

cách ngôn ngữ nói giúp những người nghe được phát triển nhân cách của mình.

NNKH của mỗi đất nước là khác nhau. Tuy nhiên, mọi NNNH đều có 5 đặc tính cơ bản chung như sau: - *Vị trí* (Location): Mỗi vị trí khác nhau khi làm kí hiệu thể hiện nghĩa khác nhau của kí hiệu (thậm chí kí hiệu có cùng hình dạng bàn tay, cùng sự chuyển động, cùng chiều hướng của lòng bàn tay...); - *Hình dạng bàn tay* (Handshape): Mỗi hình dạng bàn tay khác nhau thể hiện ý nghĩa khác nhau của kí hiệu; - *Sự chuyển động* (Movement): Kiểu chuyển động khác nhau (chuyển động hướng vào người làm kí hiệu, chuyển động hướng ra bên ngoài người làm kí hiệu, chuyển động liên tục, chuyển động zích-zắc...) thể hiện nghĩa khác nhau của kí hiệu; - *Chiều hướng của lòng bàn tay* (Orientation): Lấy người làm kí hiệu là trung tâm, có nhiều chiều hướng khác nhau của lòng bàn tay khi làm dấu (hướng vào trong, hướng ra ngoài, hướng lên trên, hướng xuống dưới...) tương ứng với những kí hiệu khác nhau; - *Diễn tả không bằng tay* (Non-Manual Expression): Ngoài những biểu hiện bằng hình dạng bàn tay, trong NNNH còn một đặc trưng nữa là sự thể hiện những khái niệm bằng nét mặt, sự chuyển động của cơ thể...

2. Kĩ năng sử dụng NNNH

Theo các nhà khoa học nghiên cứu về NNNH, kĩ năng sử dụng NNNH được thể hiện ở những mặt sau [2; tr 42]:

- *Từ vựng*: Người sử dụng NNNH phải có vốn từ vựng đủ để tham gia hoạt động mà không cần dùng hình miệng, hay chữ cái ngón tay để thay thế, phân biệt được cử chỉ điệu bộ tự nhiên với kí hiệu chính thức...

- *Trật tự ngữ pháp*: Làm kí hiệu đúng trật tự ngữ pháp của NNNH chứ không phải theo trật tự ngữ pháp của ngôn ngữ nói. Ví dụ: nếu muốn nói: “tôi ăn táo” thì

* Trương Cao đẳng Sư phạm Trung ương

phải làm kí hiệu theo trật tự ngữ pháp là: “tôi táo ăn”; hoặc nếu nói: “nhà tôi có 3 người” thì phải làm kí hiệu theo trật tự “nhà tôi người 3 có”...

- *Tốc độ và sự lưu loát*: Đòi hỏi người sử dụng NNKH phải làm kí hiệu với tốc độ phù hợp, không chậm quá, nhanh quá, không giặt cục hoặc tạm dừng quá lâu, và không đổi tay liên tục.

- *Không gian làm kí hiệu*: Không gian làm kí hiệu không quá rộng và cũng không hẹp; người làm kí hiệu chỉ sử dụng không gian với phạm vi từ thắt lưng trở lên và tập trung ở khoảng trước ngực, không vượt ra ngoài hai bờ vai.

- *Vị trí và sự tương quan*: Người làm kí hiệu phải “gọi lại” được các đối tượng như người, động vật, đồ vật... được xuất hiện ở những vị trí khác nhau trong không gian bằng cách dùng ngón tay trở để chỉ hay ánh mắt nhìn.

- *Đóng vai*: Người làm kí hiệu có kĩ năng sử dụng sự thay đổi vị trí của cơ thể, cái đánh vai, hướng của xoay của đầu, ánh nhìn của mắt để diễn đạt những vai trò khác nhau trong nội dung giao tiếp, thuyết trình, thảo luận...

- *Hình dạng bàn tay và sự chuyển động*: Dấu hiệu được tạo ra cần chính xác về hình dạng, kích cỡ bàn tay, vị trí (ở ngực, ở cằm...); sự chuyển động (liên tục hay dứt quãng...); chiều hướng của lòng bàn tay (lên trên, xuống dưới, vào trong, ra ngoài...).

- *Những diễn đạt không bằng tay*: Bao gồm việc sử dụng cử động của đầu, mắt, cơ mặt, lông mày, cơ thể... để diễn thông tin; đặc biệt là những thông tin diễn tả cảm xúc, câu hỏi...

- *Chữ cái ngón tay*: Đọc và đánh chữ cái ngón tay với tốc độ hợp lí, không ngắt quãng, giặt cục và không cần dùng hình miệng cũng như không đổi tay.

3. Tổ chức HĐN trong dạy học cho HS điếc

“*Tổ chức HĐN là hình thức tổ chức dạy học của giáo viên (GV), trong đó GV chia lớp học thành các nhóm HS qua việc quy định về số lượng thành viên từng nhóm, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm, hướng dẫn và hỗ trợ các nhóm giải quyết nhiệm vụ được giao, mỗi thành viên của nhóm đều có một vai trò và nhiệm vụ nhất định*” [3; tr 138]. Trong HĐN, luôn luôn diễn ra quá trình giao tiếp giữa các thành viên trong nhóm, đây là môi trường thuận lợi để rèn luyện những kĩ năng ngôn ngữ (vốn từ, ngữ pháp, ngữ dụng...) và những kĩ năng giao tiếp (lắng nghe, luân phiên, phản hồi...). Đối với việc phát triển kĩ năng sử dụng NNKH thì HĐN là điều kiện, môi trường rất ưu thế. Với HĐN trong dạy học cho HS điếc, các dạng thông tin được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau là

cơ hội cho HS tiếp cận và học NNKH với sự cung cấp đa dạng vốn từ, cơ hội thực hành sử dụng NNKH rất hiệu quả.

4. Biện pháp tổ chức HĐN trong dạy học nhằm tăng cường kĩ năng sử dụng NNKH cho HS điếc

4.1. Lựa chọn nhiệm vụ học tập, thiết kế và chuẩn bị những điều kiện cho các HĐN phù hợp với mục tiêu phát triển kĩ năng sử dụng NNKH cho HS điếc theo nội dung bài học. Biện pháp này được tiến hành theo các bước cụ thể sau:

- *Xác định nhiệm vụ HĐN*: Có 2 loại mục tiêu GV cần xác định rõ trước khi dạy một bài theo phương thức HĐN nhằm phát triển kĩ năng sử dụng NNKH của HS điếc. Vì vậy, cần tập trung vào: + *Mục tiêu về tri thức, kĩ năng và thái độ được xác định ở mức độ phù hợp với HS và phù hợp với yêu cầu chung của bài học* theo 3 nội dung chính: kiến thức HS cần lĩnh hội, kĩ năng cụ thể cần được hình thành, rèn luyện, thái độ đối với những kiến thức và kĩ năng đó. Mục tiêu này được căn cứ vào: Mục tiêu của giờ học đã được xác định cụ thể trong từng bài học; Dựa trên những thông tin về HS; Theo *Thang mức độ nhận thức Bloom*; + *Mục tiêu về kĩ năng sử dụng NNKH* được thể hiện bằng yêu cầu về những kĩ năng cụ thể đối với HS qua bài học. Căn cứ vào khả năng sử dụng NNKH của HS, GV xác định những kĩ năng cần rèn luyện cho các em.

- *Thiết kế, trình bày nhiệm vụ*: Nhiệm vụ đưa ra cho HĐN cần được biên soạn trong phiếu học tập. Các phiếu phải được biên soạn đơn giản, rõ mục đích, có tính trực quan cao, tránh rườm rà, gây khó hiểu, mất thời gian...

- *Dự kiến số lượng thành viên của nhóm*: Trong giai đoạn đầu của việc hình thành kĩ năng mới về sử dụng NNKH, GV nên bắt đầu từ nhóm nhỏ hoặc trao đổi đôi một. Khi HS đã có những kinh nghiệm, kĩ năng nhất định thì số lượng thành viên của nhóm sẽ dần dần tăng lên, nhưng không nên vượt quá 5 HS. Nếu nhóm có số lượng lớn hơn 5 để làm cho HS thụ động, hoặc chỉ tương tác với một hay hai thành viên bên cạnh. Hợp tác nhóm cần tạo điều kiện cho HS được rèn luyện các kĩ năng sử dụng NNKH trong giao tiếp, tham gia, thể hiện vai trò quyết định, chịu trách nhiệm với quyết định, để cùng hưởng vui, buồn với các kết quả của mình. Do vậy, HS cần có thời gian để thích ứng với các HĐN.

- *Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện cần thiết cho HĐN*: Căn cứ vào nhiệm vụ HĐN, số lượng nhóm, số lượng thành viên trong nhóm, GV chuẩn bị những đồ dùng cần thiết. Đồ dùng phải đủ và có tính hiệu quả sử dụng cao.

4.2. Tiến hành tổ chức HĐN theo các bước hướng tới mục tiêu phát triển kỹ năng sử dụng NNKH cho HS:

- *Tạo nhóm và xây dựng cách thức làm việc trong nhóm, tạo nhiều cơ hội tham gia của mỗi thành viên nhóm.* Trong giờ học tổ chức theo HĐN, tạo nhóm là rất quan trọng để khơi xướng hứng thú của HS tham gia vào hoạt động này. Tùy theo nhiệm vụ HĐN và dự kiến về kích cỡ nhóm khi lập kế hoạch, GV có thể tạo nhóm bằng nhiều hình thức khác nhau đảm bảo cơ hội tham gia của mỗi cá nhân trong nhóm, như: nhóm ngẫu nhiên, nhóm theo sở thích của HS, nhóm theo chủ đích của GV...

- *GV thống nhất nguyên tắc giao tiếp bằng NNKH trong nhóm* trước khi HĐN diễn ra và duy trì nguyên tắc đó trong suốt quá trình học tập của HS, giúp HS nỗ lực để rèn luyện và có ý thức, thói quen sử dụng NNKH.

- *Thỏa thuận và hướng dẫn sử dụng phương tiện giao tiếp thay thế tạm thời.* Đây là biện pháp tổ chức HĐN đảm bảo nguyên tắc về tính cá biệt hóa và phù hợp với khả năng về NNKH của HS trong nguyên tắc tổ chức HĐN nhằm phát triển kỹ năng sử dụng NNKH cho HS điếc.

Đối với những HS còn yếu về kỹ năng sử dụng NNKH, đặc biệt là vốn từ, nếu bắt buộc các em chỉ được dùng NNKH để giao tiếp trong quá trình HĐN sẽ khiến các em gặp khó khăn, dẫn đến giảm hứng thú tham gia, hoặc tham gia một cách thụ động, hình thức. Điều này sẽ tạo nên tác dụng ngược của HĐN đến sự phát triển kỹ năng sử dụng NNKH của HS. Do đó, cần có sự thỏa thuận và hướng dẫn về việc sử dụng phương tiện giao tiếp thay thế tạm thời đối với HS. HS có thể sử dụng chữ cái ngón tay, cử chỉ điệu bộ tự nhiên, tranh ảnh... để giao tiếp trong trường hợp vốn từ của các em còn "nghèo nàn". Sử dụng phương tiện giao tiếp thay thế là cách làm giảm áp lực lên HS, tạo tâm thế thoải mái cho các em tham gia tích cực vào HĐN để có cơ hội học tập và rèn luyện về NNKH.

- *Sắp xếp chỗ ngồi đảm bảo sự tương tác và thoải mái khi làm kí hiệu giữa các thành viên trong nhóm.* Hình thức cho các thành viên của nhóm ngồi thành vòng tròn, mỗi HS trong nhóm cách nhau một nửa cánh tay là phù hợp nhất. Điều này sẽ làm cho HS tích cực, chủ động, trách nhiệm trong hoạt động hơn; HS cũng có cơ hội để khuyến khích, động viên, ủng hộ lẫn nhau trong quá trình HĐN. Cũng cần có khoảng trống làm lối đi, để GV có thể dễ dàng di chuyển từ nhóm này qua nhóm khác quản lí và hỗ trợ khi cần thiết.

- *Thỏa thuận về thời gian đảm bảo hoạt động tích cực của nhóm.* Thời gian làm việc của nhóm phải theo nhiệm vụ cụ thể trong giờ học nhất định và thời gian duy trì nhóm trong tuần, tháng, năm học

4.3. Kết hợp đánh giá chung cả nhóm và đánh giá riêng các thành viên. Đối với HĐN, HS thường hay tập trung vào kết quả hoạt động, nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ được giao trong phiếu bài tập mà xem nhẹ tâm quan trọng của việc duy trì mối quan hệ hoạt động và những kỹ năng giao tiếp có hiệu quả giữa các thành viên. Các em thường ít để ý đến cách thức sử dụng ngôn ngữ hay cách thức hợp tác để đạt được kết quả tốt hơn. Kỹ năng sử dụng NNKH và kết quả học tập có mối liên hệ chặt chẽ với nhau; chất lượng bài học tăng theo khả năng ngôn ngữ của HS. Vì vậy, sau mỗi lần HS tiến hành HĐN, việc nhận xét nhóm là một nhiệm vụ bắt buộc và phải được coi trọng như đối với việc học kiến thức.

4.4. Rèn luyện kỹ năng HĐN cho HS. Việc HS có kỹ năng HĐN là rất quan trọng để phát triển kỹ năng sử dụng NNKH cho các em. Trong đó, đặc biệt là nhóm kỹ năng giao tiếp trong HĐN. HS có kỹ năng giao tiếp tốt sẽ biết lắng nghe, luân phiên lần lượt, tạo cơ hội cho mọi thành viên đều được tham gia ý kiến, tạo cơ hội thực hành NNKH cho mọi thành viên trong nhóm. Việc có kỹ năng cảm thông, đồng viên bạn, duy trì không khí học tập tích cực của các thành viên trong nhóm sẽ giúp những HS còn yếu về kỹ năng sử dụng NNKH được động viên, khích lệ và tự tin để rèn luyện những kỹ năng này.

* * *

Tổ chức HĐN trong dạy học với những biện pháp về lựa chọn mục tiêu, triển khai thực hiện, đánh giá rèn luyện kỹ năng HĐN của HS điếc là phương thức tăng cường kỹ năng sử dụng NNKH cho HS. Phương thức này cần được áp dụng trong thực tiễn để đem lại cho HS điếc nhiều hơn nữa những cơ hội học tập phù hợp nhất với từng em. □

Tài liệu tham khảo

- [1] James Clyde Woodward JR (1973). *Some observations on sociolinguistic variation and American Sign language*. Linguistics Research Laboratory - Gallaudet College, Washington, DC.
- [2] J. G. Kyle - B. Woll - G. Pullen (1988). *Sign language: The study of deaf people and their language*. Publishing: Cambridge University, Cambridge.
- [3] Nguyễn Xuân Hải (2008). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục.
- [4] Bộ GD-ĐT (2005). *Báo cáo khảo sát thực trạng nhu cầu giáo dục khuyết tật Việt Nam*.
- [5] Wendy Lynas (2002). *Các lựa chọn trong giao tiếp và việc giáo dục cho trẻ điếc* (tài liệu dịch). NXB Đại học Sư phạm.